**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Quý II.2025**

**I. Thông tin chung về Quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ CỔ TỨC TẬP TRUNG CỔ PHIẾU DC (DCDE) (Trước đây là Quỹ Đầu tư Doanh Nghiệp hàng đầu DC \_ DCBC)**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là +9.96 (%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ kỳ báo cáo ngày 31/3/2025; thay đổi NAV/CCQ cùng kỳ là +7.62 (%)

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư của Quỹ DCDE là đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có lịch sử trả cổ tức đều đặn trong quá khứ và/hoặc các doanh nghiệp có kế hoạch trả cổ tức trong thời gian tới tại tất cả các ngành nghề và khu vực địa lý mà quy định pháp luật về quản lý hoạt động quỹ mở cho phép. Quỹ sẽ ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp có mức chi trả cổ tức tăng trưởng hằng năm vào danh mục. Trong điều kiện thị trường bình thường, quỹ sẽ đầu tư toàn bộ 100% tài sản quỹ vào cổ phiếu của những doanh nghiệp nêu trên.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Cao

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** 28/02/2008

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/06/2025):

|  |  |
| --- | --- |
| Tổng giá trị tài sản ròng (VND) | 589,968,108,152 |
| Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) | 20,883,860.64 |

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ** (ở thời điểm báo cáo):

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ: 1,400 VND/CCQ.

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu tài sản quỹ | 30/06/2025 | 30/06/2024 | 30/06/2023 |
| Danh mục chứng khoán | 90.21% | 90.33% | 95.37% |
| Tài sản khác | 9.79% | 9.67% | 4.63% |
| Cộng | 100.00% | 100.00% | 100.00% |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/06/2025 | 30/06/2024 | 30/06/2023 |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 589,968,108,152.00 | 538,239,691,625.00 | 363,249,986,341.00 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 20,883,860.64 | 19,430,460.68 | 15,905,668.68 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 28,249.95 | 27,700.81 | 22,837.76 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 28,249.95 | 29,594.32 | 23,213.82 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 23,963.41 | 25,944.13 | 20,508.50 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 7.62% | 0.76% | 8.18% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 5.39% | -2.76% | 5.28% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 2.24% | 3.52% | 2.90% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | 1,400.00 | 1,300.00 | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | 1,326.59 | 1,234.54 | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | 19/5/2025 | 07/06/2024 | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.24% | 2.27% | 2.31% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục | 318.20% | 246.84% | 203.49% |

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
| 1 năm | 7.44 | 7.44 |
| 3 năm | 31.72 | 9.62 |
| Từ khi thành lập | 269.69 | 7.84 |
| Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 6/30/2025 | 6/30/2024 | 6/30/2023 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 7.44 | 26.88 | -3.37 |

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

VNINDEX tăng 3,3% trong tháng 6, đóng cửa tại mức 1.376,07 điểm, tăng 8,6% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình của VNINDEX trong quý là hơn 22,026 tỷ đồng, tăng 34,6% so với quý trước.

Những điểm chính của thị trường trong Q2/2025:

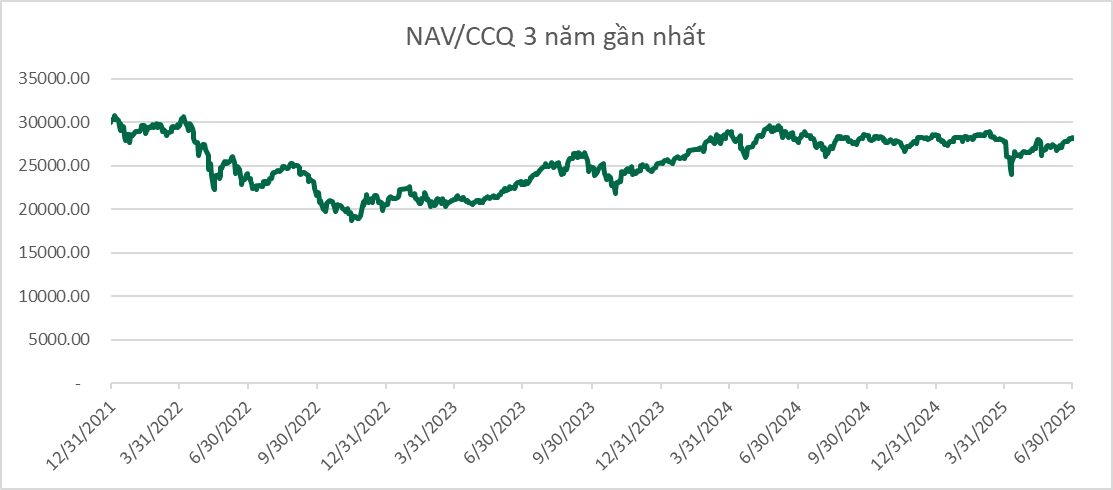
1. Để hỗ trợ tiến trình cải cách, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 198 và 139 nhằm thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân vào các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia. Nhiều tập đoàn lớn trong nước đã có phản hồi tích cực.
2. Ngành bất động sản dẫn dắt đà tăng khi các doanh nghiệp phát triển dự án phản ứng tích cực trước những tín hiệu rõ ràng hơn về pháp lý và việc phê duyệt dự án.
3. Thanh khoản bình quân hằng ngày duy trì ở mức cao so với các quý trước nhờ hệ thống giao dịch KRX mới vận hành ổn định

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/ 1 đơn vị CCQ | 7.98% | 8.12% | 153.82% |
| Tăng trưởng Vốn/ 1 đơn vị CCQ | -0.54% | 23.61% | 115.86% |
| Tổng tăng trưởng/ 1 đơn vị CCQ | 7.44% | 31.72% | 269.69% |
| Tăng trưởng hàng năm/ 1 đơn vị CCQ | 7.44% | 9.62% | 7.84% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

● Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/06/2025 | 30/06/2024 | Tỷ lệ thay đổi |
| (1) | (2) | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 589,968,108,152 | 538,239,691,625 | 9.61% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 28,249.95 | 27,700.81 | 1.98% |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| Dưới 5000 | 17,725.00 | 7,182,347.58 | 34.39% |
| Từ 5000 - 10.000 | 313 | 2,259,658.47 | 10.82% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 286 | 6,077,701.83 | 29.10% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 46 | 5,364,152.76 | 25.69% |
| Trên 500.000 | 0 | 0.00 | 0.00% |
| **Tổng cộng** | 18,370.00 | 20,883,860.64 | 100.00% |

**5.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường :**

Trong bối cảnh dư địa cho việc nới lỏng chính sách tiền tệ không còn nhiều, chính sách tài khóa được xác định là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025. Dù quá trình tinh gọn bộ máy hành chính còn đối mặt với nhiều thách thức, tỷ lệ giải ngân đầu tư công tính đến cuối tháng 5 đã đạt 24,1% kế hoạch năm, cao hơn so với mức 20,3% cùng kỳ năm trước. Thủ tướng đã yêu cầu giải ngân toàn bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm nay, tương đương khoảng 31,9 tỷ USD. Chính phủ cũng thể hiện sẵn sàng huy động thêm nguồn vốn trong và ngoài nước cho các dự án quy mô lớn. Trong trường hợp cần thiết, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia có thể tiến sát hoặc vượt ngưỡng cảnh báo, ước tính khoảng 5% GDP. Những chính sách mới này thể hiện sự thay đổi rõ rệt trong chiến lược phát triển kinh tế, vượt xa các cải cách nhỏ lẻ và tốc độ tăng trưởng cơ bản. Chính phủ đang định hình một mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là mở rộng khu vực tư nhân, được hậu thuẫn bởi cải cách lập pháp và thúc đẩy mạnh đầu tư công. Mục tiêu là đạt tốc độ tăng trưởng GDP bền vững trên 8%, vượt xa mức trung bình 5,5–6,5% trước đây và phản ánh sát hơn tiềm năng thực tế cũng như mức độ tích lũy vốn của nền kinh tế. Nếu được thông qua và triển khai đồng bộ, cải cách này có thể giải phóng nguồn vốn lớn chưa được sử dụng hiệu quả, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng phân bổ tín dụng trong nền kinh tế.

**VI. Thông tin khác :**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

|  | Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhân sự điều hành Quỹ DCBC | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản, khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | - Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Nguyễn Sang Lộc | Giám đốc nghiệp vụ, Quản lý danh mục | Cử nhân tài chính | -Từ 16/4/2016 đến 31/12/2016: Chuyên viên Nghiên cứu cấp cao – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.  - Từ 1/1/2017 đến 31/12/2020: Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.  -Từ 1/1/2021 đến 30/11/2023: Trưởng phòng Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.  - Từ 01/12/2023 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ, Quản lý danh mục - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
| Ban đại diện Quỹ | Đặng Thái Nguyên | Chủ tịch | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | - Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa  - Từ 2006 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | - Năm 2012: Giám đốc công ty Hợp danh kiểm toán FA.  - Từ 2013 đến 2016: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín.  - Từ 2017 đến 2018: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín.  - Từ 2019 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng. |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư | - Từ 2010 đến 31/03/2021: Giám đốc Pháp chế & Tuân thủ Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.  - Từ 01/04/2021 đến nay: Luật sư tư vấn nội bộ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế | * 8/1996 - 7/2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia * 12/2002 - 2/2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan * 3/ 2004 - 8/2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh * 9/2006 - 3/2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính * 4/2009 - 1/2010: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần * 3/2010 - 3/2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành * 4/2011 - 12/2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện * 12/2016 - 12/2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện * 12/2020 - nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |

***TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2025***

**Lê Hoàng Anh**

**Quyền giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**